

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1090/2026/DS-ST
Ngày: 29-5-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu T – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2026 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 851/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2026, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1366/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1752/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2026 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1)

Địa chỉ: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968 – Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ông Ngô Chí D ủy quyền cho: Ông Hà Xuân S – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý khách hàng cá nhân 6.

(Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07/11/2025)

Ông Hà Xuân S ủy quyền lại cho: Ông Trần Văn T1, sinh năm: 2004 – Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: Tầng F - A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Văn bản ủy quyền ngày 06/5/2026)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1990 – Vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: B D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh (Địa chỉ cũ: B D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Văn T1 trình bày:

Ông/bà Nguyễn Đức T2 có vay vốn tại V2 theo các hợp đồng sau: Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng Đ ngày 07/05/2021:

Số tiền vay: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống;

Thời hạn vay: 60 tháng;

Dư nợ thực tế tạm tính đến hết ngày 29/05/2026 theo hợp đồng cho vay trên là: Nợ gốc: 32.487.799 đồng, Nợ lãi: 82.310.235 đồng. Tổng dư nợ: 114.798.034 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng trên, khách hàng đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi vay cho V2 từ ngày 12/08/2023. Mặc dù, Ngân hàng đã tạo điều kiện về thời gian cho khách hàng trả nợ nhưng phía khách hàng vẫn không có phương án trả dứt nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 29/05/2026, ông T2 còn nợ Ngân hàng theo hợp đồng trên là: Nợ gốc: 32.487.799 đồng; Nợ lãi: 82.310.235 đồng. Tổng dư nợ: 114.798.034 đồng.

Nay ông đại diện cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Buộc Ông/bà Nguyễn Đức T2 phải thanh toán ngay cho V2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 29/05/2026 tổng cộng là: 114.798.034 đồng, trong đó nợ gốc là 32.487.799 đồng và nợ lãi quá hạn là 82.310.235 đồng do vi phạm các Hợp đồng nêu trên.

Ngoài ra, Ông/bà Nguyễn Đức T2 còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận kể từ ngày 30/05/2026 cho đến khi trả hết số nợ vay cho Ngân hàng V2.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Đức T2 vắng mặt, không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1]. Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Đức T2. Đây là tranh chấp về hợp đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an phường C, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp: “Đương sự Nguyễn Đức T2, sinh năm 1990 có đăng ký thường trú và hiện cư trú tại B D, khu phố D, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Đức T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch giữa các đương sự được xác lập vào thời điểm Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các văn bản pháp luật này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Tòa án triệu tập ông Nguyễn Đức T2 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng nhưng ông T2 không đến Tòa để giải quyết vụ án. Vì vậy, ông T2 đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập để làm chứng cứ giải quyết vụ án.

[4.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán nợ gốc:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký

thay đổi lần thứ 45 ngày 27/11/2023; Điều lệ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì Ngân hàng thương mại cổ phần V là tổ chức tín dụng và được thực hiện cấp tín dụng dưới các hình thức “Phát hành thẻ tín dụng”.

[4.3]. Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 06/5/2021 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Nguyễn Đức T2 được lập trên cơ sở sự tự nguyện của hai bên, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật. Hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119 và Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và có giá trị ràng buộc giữa các bên để thực hiện hợp đồng, là cơ sở pháp lý để mỗi bên xác định quyền và nghĩa vụ của mình.

[4.4]. Căn cứ Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 06/5/2021 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần V đã cấp hạn mức tín dụng cho ông T2 với số tiền là 25.000.000 đồng.

Căn cứ Bảng kê tính lãi do Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp thể hiện:

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đức T2 sử dụng tổng số tiền là 95.979.697 đồng, tổng số tiền ông T2 đã thanh toán cho Ngân hàng là 71.361.454 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc đã trả: 63.491.898 đồng, lãi đã trả: 6.443.134 đồng, phí đã trả: 1.426.513 đồng).

Bắt đầu từ ngày 12/8/2023 thì ông T2 vi phạm không thanh toán bất kỳ khoản gốc, lãi. Cũng từ ngày 12/8/2023 thì ông T2 ngưng không sử dụng thẻ tín dụng. Ngân hàng cũng đã khóa thẻ tín dụng của ông T2.

Như vậy, tạm tính đến ngày 29/5/2026 ông Nguyễn Đức T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc là 32.487.799 đồng.

[4.5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất: Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “1. Tổ chức tín dụng được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động Công ty tài chính của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật...”.

Tại Mục 2 của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 06/5/2021 thể hiện Ngân hàng thương mại cổ phần V đã cấp thẻ tín dụng loại thẻ “V2” cho ông T2. Lãi suất của thẻ thực hiện theo quy định của V2.

Căn cứ Quyết định số 800/2022/QĐ-GĐK ngày 20/10/2022 ban hành điều chỉnh lãi suất thẻ tín dụng của khối khách hàng cá nhân tại V2 thể hiện mức lãi suất đối với loại thẻ “V2” là 2,79%/tháng.

[4.6]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng

xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[4.7]. Căn cứ Căn cứ Bảng kê tính lãi do Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp thể hiện từ ngày 12/8/2023 bị đơn ông Nguyễn Đức T2 đã ngưng không thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng và cũng đã ngưng việc sử dụng thẻ. Lãi suất quá hạn được tính kể từ ngày 12/8/2023. Tạm tính đến ngày 29/5/2026, số tiền lãi mà ông T2 phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V là 82.310.235 đồng.

[4.8]. Việc bị đơn ngưng trả tiền vốn và lãi hàng tháng cho nguyên đơn là đã vi phạm điều khoản thanh toán của của hợp đồng tín dụng. Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Đức T2 trả số tiền gốc và lãi là có cơ sở theo quy định tại các Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4.9]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán thì: Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.10]. Từ những căn cứ đã viện dẫn, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Nguyễn Đức T2.

Buộc ông Nguyễn Đức T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2026 là 114.798.034 (một trăm mười bốn triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn không trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc: 32.487.799 đồng; Nợ lãi: 82.310.235 đồng; đồng thời bị đơn ông Nguyễn Đức T2 còn có nghĩa vụ trả tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 06/5/2021 cho đến khi bị đơn trả nợ xong.

[4.11]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn ông Nguyễn Đức T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.739. 902 (năm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm lẻ hai) đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5]. Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Đức T2.

1.1. Buộc ông Nguyễn Đức T2 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2026 theo Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 06/5/2021 là 114.798.034 (một trăm mười bốn triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn không trăm ba mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc: 32.487.799 đồng; Nợ lãi: 82.310.235 đồng.

1.2. Kể từ ngày 30/5/2026 ông Nguyễn Đức T2 còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiểm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ ngày 06/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc nêu trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thương mại cổ phần V thì lãi suất mà ông Nguyễn Đức T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Đức T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.739. 902 (năm triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm lẻ hai) đồng.

2.2. H lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.310.333 (hai triệu ba trăm mười nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008852 ngày 28 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND TP. Hồ Chí Minh (1);
- VKSND Khu vực 10 – TP. HCM (1);
- Thi hành án dân sự TP. HCM (1)
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ (1)

Ngô Thị Thùy Dương

